TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/DS-PT
Ngày: 08/8/2022

V/v Tranh chấp: "*Chia di sản thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Các Thẩm phán: - Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**

- Ông **Lê Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thúy Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 và 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp *"Chia di sản thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXX-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

1/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thị K, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 0 T T, phường 0, quận 0, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của ông N, bà K: **Nguyễn Minh Trường S**, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Số khu phố , phường 0, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2019 và ngày 12/4/2019

* Bị đơn:

1/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 (có mặt)

Đại diện ủy quyền của bà Bảy: **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1991 (có mặt)

Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2022.

2/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L Th A, xã L H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

2/ Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1991 (vắng mặt)

3/ Huỳnh Thị Diễm M, sinh năm 1992 (vắng mặt)

4/ Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 2012

Cùng địa chỉ: Ấp L T A, xã L H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo pháp luật của cháu Thuận: **Nguyễn Ngọc S** sinh năm 1991, **Huỳnh Thị Diễm M** sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp L T A, xã L H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

* Người kháng cáo: Nguyên đơn **Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị K**; Bị đơn **Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

***- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K trình bày*:** Cha mẹ ông bà là cụ Nguyễn Văn G (sinh năm 1917, chết năm 1972) và cụ Nguyễn Thị B (sinh năm 1922, chết năm 2000) có 03 người con gồm: Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N. Cha mẹ ông bà sở hữu diện tích 1.340m2 thuộc thửa 1459, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có cất căn nhà cấp 4 để hộ gia đình sinh sống. Cụ G và cụ B chết không để lại di chúc, căn nhà và đất do vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B quản lý sử dụng. Năm 2002 bà Nguyễn Thị B giả mạo chữ ký và tự ý kê khai để đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị B đứng tên. Ông bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là toàn bộ diện tích đất 1.340m2 và căn nhà trên đất nhưng vợ chồng ông L chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Ngày 06/10/2018 và ngày 05/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Châu Thành, vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có hứa cắt chia cho Nguyễn Văn N ngang 06m dài hết đất nhưng đến nay vợ chồng ông Nguyễn Văn L vẫn không thực hiện. Trên diện tích đất ngang 6m, dài hết đất Nguyễn Văn N đã xây đà, đổ cột nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B không cắt chia đất cho ông Nguyễn Văn N như đã cam kết tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng.

Nay ông bà yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật: Chia 03 phần bằng nhau đối với phần diện tích đất 1.340m2, thuộc thửa 1459, tờ bản đồ số 01, đất

tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hiện bà Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đây là di sản thừa kế của cha mẹ để lại, yêu cầu được nhận đất. Về căn nhà trên đất yêu cầu được cùng sở hữu chung cho các đồng thừa kế để thờ cúng ông bà, cha mẹ và yêu cầu được chia số tiền bồi thường đất 41.730.000 đồng, yêu cầu chia làm 03 phần bằng nhau.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị B có 03 người con gồm: Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn N. Cha mẹ ông có sở hữu diện tích 1.340m^2 thuộc thửa 1459, tờ bản đồ số 1 tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, trên đất có cất 01 căn nhà cấp 4. Năm 1972, cụ Nguyễn Văn G chết, đến năm 2000 cụ Nguyễn Thị B chết để lại căn nhà trên cho vợ chồng cùng hai người con ông sinh sống ở đây và nhang khói cho cha mẹ, Trước khi cụ Ba chết có viết giấy di chúc tay có chữ ký là dấu lăn tay của cụ B lập ngày 07/5/1997 để lại tài sản cho ông đến năm 2002 ông tiến hành lập thủ tục sang tên cho vợ là bà Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng cho đến nay.

Vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng ông có hứa cho Nguyễn Văn N diện tích đất ngang 06 m, dài hết đất và N đã xây đà trên đất. Nay ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K do ông N đã thưa ông ra ấp và ngang nhiên lại nhà ông lấy tủ thờ ông đang thờ cha là cụ Nguyễn Văn G đem cho chùa Phước Ân ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Việc lấy tủ thờ do ông N tự ý lấy không hỏi ý kiến ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày :thống nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn L. Năm 2002 bà đi đăng ký kê khai và được cấp giấy quyền sử dụng đất. Trước khi làm giấy thì ông L có bàn bạc cùng ông N và bà K. Bà K và ông N đồng ý nên bà mới làm thủ tục cấp giấy, việc bàn bạc chỉ nói miệng do lúc này ông L không có hộ khẩu nên để bà đứng tên và căn cứ vào tờ di chúc ngày 07/5/1997 bà B để lại tài sản cho ông L, tờ di chúc do bà B trước khi chết giao lại cho ông L và bà, bà không biết tờ di chúc do ai viết. Lúc bà B chết thì trên đất có căn nhà như hiện nay nhưng chưa tô, sau này vợ chồng bà bỏ tiền ra tô lại. Diện tích đất vào năm 2016 bà có nhận tiền bồi thường do giải tỏa một phần để làm cống mương đào, số tiền là 41.730.000 đồng. Nay bà không đồng ý yêu cầu của ông N, bà K do bà B để lại di chúc cho ông L. Ông N và bà K đã thưa ông L ra ấp. Khi cha mẹ chồng chết thì ông N, bà K không quản lý chăm sóc đất hương hỏa mà do vợ chồng ông quản lý và chăm sóc đất này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Đ và anh Nguyễn Ngọc S trình bày: Các anh là con ruột của ông Nguyễn Văn L và bà

Nguyễn Thị B. Vào năm 2000 bà nội tên Nguyễn Thị B chết để lại nhà đất cho cha mẹ anh, nay các anh không có ý kiến tùy cha mẹ quyết định.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 44/2022/DS-ST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 179 Luật đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K.

2. Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị B để lại là diện tích đất 1.340m2, đo đạc thực tế là 1012,8m2 và căn nhà có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường, nền xi măng, mái tol xi măng có diện tích 100m^2 thuộc thửa 1459, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Ghi nhận ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K không yêu cầu chia căn nhà, đồng ý để cho ông Nguyễn Văn L sở hữu.

4. Chia cho ông Nguyễn Văn N diện tích đất 181m^2, thuộc một phần thửa 1459, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. (Theo vị trí S1 tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành), đất có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 1456;
- Nam giáp đường bê tông;
- Đông giáp thửa 1458;
- Tây giáp phần đất còn lại của thửa 1459.

Chia cho ông Nguyễn Văn L diện tích đất 831.8m^2, thuộc một phần thửa 1459, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. (Theo vị trí S2 tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành) đất có tứ cận:

- Bắc giáp thửa 1456;
- Nam giáp đường Bê tông;
- Đông giáp phần đất còn lại của thửa 1459;
- Tây giáp thửa 1459, 2933 và 1460.

Ông L được quyền sở hữu và quản lý toàn bộ tài sản trên diện tích đất được chia.

Ông L có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho bà K số tiền là 161.920.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông L có nghĩa vụ hoàn giá trị chênh lệch cho ông N số tiền là 53.320.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông L, ông N có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp lực (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

*** Ngày 07 tháng 3 năm 2022**, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm xét chia cho hàng thừa kế 3 người gồm: Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn L mỗi người một kỷ phần bằng nhau là 337,6 m^2 : 1.012,8 m^2 : 3 = 337,6 m^2. Và xin được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất vì có nhu cầu sử dụng đất này.

*** Ngày 10 tháng 03 năm 2022**, bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm không đồng ý chia thừa kế vì công sức của bị đơn nhiều hơn, quyền lợi và lợi ích của bị đơn bị thiệt thòi nghiêm trọng.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn và bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn không đồng ý chia thừa kế. Bị đơn yêu cầu chia kỷ phần đều nhau cho 03 người bằng hiện vật quyền sử dụng đất.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguồn gốc đất là của cha mẹ, thủ tục cấp quyền sử dụng cho bà B là không đúng. Ông G chết năm 1972, không còn thời hiệu thừa kế, nên được xác định là tài sản chung chia chưa. Án sơ thẩm xác định chia cho ông N diện tích đất, bà K được chia bằng giá trị do không có nhu cầu sử dụng là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, miễn án phí cho đương sự là người cao tuổi theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L; lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

[I]- Xác định thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế, quyền yêu cầu chia thừa kế: Đương sự thống nhất cha là cụ Nguyễn Văn G chết năm 1972 và mẹ là cụ Nguyễn Thị B chết năm 2000. Căn cứ vào Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990, cụ thể Điều 3 qui định về thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết và Điều 36 qui định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế; được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán. Như vậy, thời điểm mở thừa kế phần di sản của cụ G là năm 1972; Từ đó, xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Giai là không còn. Tuy nhiên, theo qui định Bộ luật dân sự năm 2015 qui định về thời hiệu thừa kế là 30 năm và các đương sự không có yêu cầu tính thời hiệu; trên cơ sở hướng dẫn tại Nghị quyết số 04 ngày 05/5/2017 qui định về quyền khởi kiện. Xác định quyền sử dụng toàn bộ diện tích 1.340m^2 cụ B được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 24/5/1997 là của cụ B, là tài sản chung và là di sản thừa kế, các đương sự có quyền yêu cầu phân chia do có quyền trong tài sản chung và quyền thừa kế.

Tờ di chúc lập ngày 07/5/1997 chỉ có 01 dấu lăn tay, cụ B không biết chữ, không có người làm chứng, không có xác nhận ai là người viết nội dung, không được chứng thực. Tờ di chúc không được công nhận là hợp pháp.

[II]- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày thống nhất: Cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị B có tạo lập thửa đất 1459, diện tích 1.340m^2, và căn nhà trên đất tại địa chỉ ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; được nhà nước cấp quyền sử dụng cho cụ Nguyễn Thị B đứng tên vào ngày 24/5/1997. Cụ G và cụ B có 03 người con: Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn N. Sau khi cụ G và cụ B chết thì toàn bộ tài sản là căn nhà và diện tích đất do ông L quản lý, sinh sống cùng với vợ là bà Nguyễn Thị B và các con. Đến năm 2002, những người con là hàng thừa kế có ký tên vào biên bản về việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất (Bút lục 83, nhưng ông N và bà K không thừa nhận có ký tên), từ đó bà B làm thủ tục, đứng tên quyền sử dụng diện tích đất vào ngày 07/11/2002.

[II.1]- Ông N cho biết vào năm 1986 thì ông làm việc sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi lấy vợ thì cũng sinh sống tại thành phố cho đến nay đã về xã L H sinh sống. Còn bà K khi có chồng thì sinh sống bên chồng tại thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Như vậy, xác định ông L, bà B và các con sinh sống, quản lý, sử dụng, bồi đắp, xây dựng tôn tạo, trồng cây ăn trái trên diện tích đất này từ khi cha mẹ còn sống cho đến nay; xét công sức gìn giữ di sản là của gia đình ông L. Về công sức nuôi dưỡng mẹ thì các đương sự tại phiên tòa thừa nhận cụ B sống cùng với ông L, nhưng ông N có gởi tiền về để nuôi dưỡng, còn bà K có về để chăm sóc cụ B, các con đều có công sức nuôi dưỡng. Từ đó, theo qui

định pháp luật thừa kế và như phân tích, phần di sản để chia là diện tích 1.340m^2 (qua đo đạc thực tế tại biên bản kết quả đo đạc hiện trạng ngày 20/7/2020, diện tích hiện nay là 1.012,8m^2), chia làm 04 phần cụ thể: 1.012,8m^2 : 4 = 253,2m^2, theo đó mỗi kỷ phần là 253,2m^2. Chia cho ông L 02 kỷ phần (do xét về công sức gìn giữ, quản lý di sản). Do nguyên đơn có yêu cầu, và theo qui định tại Điều 660 Bộ luận dân sự 2015 qui định về phân chia di sản theo pháp luật là chia bằng hiện vật; Từ đó, giao ông N phần diện tích mà ông đã san lấp (phần giáp đất của hộ liền kề về hướng Đông) là 253,2m^2, giao cho bà K sử dụng phần diện tích giáp đất của hộ liền kề về hướng Tây là 253,2m^2, ông L sử dụng phần diện tích giữa thửa đất có căn nhà mà ông đang sử dụng cùng gia đình là 506,4m^2.

[II.2]- Về cây trồng trên đất, anh Trường S là người đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm đồng ý là ông N và bà B mỗi người hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng tương ứng với giá trị cây trồng trên đất theo diện tích được chia cho ông L và bà B. Căn cứ vào biên bản định giá ngày 06/11/2019 thì tính trung bình giá trị cây trồng trên đất thấp hơn số tiền 10.000.000 đồng chia cho mỗi kỷ phần, đồng thời ông L đã được chia thêm một kỷ phần là công sức gìn giữ, tôn tạo, trồng cây trên đất; nên sự tự nguyện của anh Trường S là có lợi cho ông L và bà B. Số tiền này được cấn trừ vào số tiền bồi thường mà ông L đã nhận tiền từ di sản thừa kế, mà trước đó án sơ thẩm đã chia mỗi kỷ phần là 10.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, ông L và bà B không phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông N và bà K mỗi người là 10.000.000 đồng.

Di sản là căn nhà trên đất, do không có yêu cầu nên không xem xét, gia đình ông L tiếp tục sử dụng, sinh sống. Do xác định chia thừa kế bằng hiện vật, nên sửa bản án sơ thẩm.

[III]- Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B về yêu cầu không đồng ý chia thừa kế. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K về yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật do có phát sinh nhu cầu về quyền sử dụng đất.

[IV]- Ý kiến và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận đề nghị chia thừa kế.

[V]- Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông L và bà B không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét miễn án phí phúc thẩm cho bà B do là người cao tuổi. Ông N và bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và ông L phải chịu án phí theo giá trị 600.000đ/m^2 tương ứng với diện tích đất được chia.

[6]. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Không xem xét về chi phí tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm, do đương sự không có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K về yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 01/3/2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K.

1.1- Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị B để lại là diện tích đất 1.340m2, đo đạc thực tế là 1012,8m2 và căn nhà có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường, nền xi măng, mái tol xi măng có diện tích 100m^2 thuộc thửa 1459, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

1.2- Ghi nhận ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K không yêu cầu chia căn nhà, đồng ý để cho ông Nguyễn Văn L sở hữu.

1.3- Chia cho ông Nguyễn Văn N diện tích đất 253,2m^2, thuộc một phần thửa 1459, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. [Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng diện tích thửa đất ngày 20/7/2020 và Theo vị trí T11 + T12 tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/7/2022 (chưa trừ hành lang đường bêtông)], đất có tứ cận:

+ Bắc giáp thửa đất Ôn C;

+ Nam giáp đường bê tông;

+ Đông giáp thửa đất Lương Văn T;

+ Tây giáp phần đất còn lại của thửa 1459 chia cho ông L.

1.4- Chia cho bà Nguyễn Thị K diện tích đất 253,2m^2, thuộc một phần thửa 1459, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành,

tỉnh Tiền Giang. [Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng diện tích thửa đất ngày 20/7/2020 và Theo vị trí T1 tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/7/2022 (chưa trừ hành lang đường bêtông)], đất có tứ cận:

+ Bắc giáp thửa đất Ôn C;

+ Nam giáp đường bê tông;

+ Đông giáp phần đất còn lại của thửa 1459 chia cho ông L;

+ Tây giáp thửa đất Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Trương Trần Ph.

1.5- Chia cho ông Nguyễn Văn L diện tích đất 506,4m^2, thuộc một phần thửa 1459, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long Lợi, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. [Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng diện tích thửa đất ngày 20/7/2020 và Theo vị trí còn lại tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/7/2022 (chưa trừ hành lang đường bêtông)], đất có tứ cận:

+ Bắc giáp thửa đất Ôn C;

+ Nam giáp đường bê tông;

+ Đông giáp phần đất còn lại của thửa 1459 chia cho ông N;

+ Tây giáp phần đất còn lại của thửa 1459 chia cho bà K.

Có sơ đồ vị trí kèm theo.

1.6- Ông L không phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà K và ông N mỗi người số tiền 10.000.000 đồng.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia.

2. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng, ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004097 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên thi hành xong về án phí.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004092 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 825.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009797 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu 15.192.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu 7.596.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 825.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009798 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên còn phải nộp tiếp số tiền 6.771.000 đồng.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2022, có mặt các đương sự.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Giàu